

CHƯƠNG 36.

Paris. Daniel và Claudia mời tôi đi dự buổi chiếu ra mắt cuốn phim *Félicien Rops--Les Muses sataniques* của Thierry Zéno, một nhà làm phim trẻ tuổi người Bỉ, bạn thân của cả nhóm. Câu chuyện nói về cuộc đời và tác phẩm của một danh họa người Bỉ –Félicien Rops-- từ hơn một trăm năm qua (1833-1898). Nét mặt của nhà nghệ sĩ thật là độc đáo. Sự đau khổ pha lẫn điên loạn và cương nghị hằn rõ trong đôi mắt, vàng trán, luôn cả trên những nét cọ mạnh mẽ của ông. “Nhất phiến tài tình thiên cố lụy” mà ngay lúc đương thời, những tác phẩm ông tạo ra đã bị tẩy chay, sợ hãi bởi quần chúng thời ấy.

Tinh anh phát tiết ra ngoài

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa!

“Phát tiết”!

Tôi yêu từ ngữ này trong hai câu thơ Nguyễn Du, một nỗi phát tiết đau khổ, phát tiết bất hạnh và cũng phát tiết cả bản năng, tài nghệ. Một sự bất thường độc đáo của những kẻ tài hoa, những nhà nghệ sĩ lớn; không phải do từ cố ý tạo nên, mà chính là “phát tiết.”

□

Hát Vĩnh Long, thứ Sáu ngày 1/9/1978

*/ Cách đây hơn 100 năm, tỉnh Vĩnh Long cũng là nơi lưu dấu tâm tư và hành động của một danh nhân thời Nguyễn và Pháp thuộc cai trị: *Phan Thanh Giản*.

*/ Phan Thanh Giản (1796-1867) chào đời năm *Bính Thìn* (1796) (thời chúa Nguyễn Phúc Ánh), tại làng *Bảo Thạnh*, thuộc tỉnh *Vĩnh Long*.

+ Ông nội là *Phan Thanh Tập*, người Tàu trốn nhà Thanh di cư sang VN ở vùng *Bình Định*, lấy vợ người Việt sinh ra *Phan Thanh Ngạn*.

+ Cuộc chiến giữa Tây Sơn và Chúa Nguyễn khiến gia đình ông di cư lần nữa vào miền Nam, vùng *Bảo Thạnh*, thuộc tỉnh *Vĩnh Long*.

+ Tại đây ông *Phan Thanh Ngạn* lấy vợ, sinh ra *Phan Thanh Giản*.

*/ Thuở nhỏ nhà *Phan Thanh Giản* nghèo; mẹ mất sớm, ông ở với cha rất hiếu thảo và học giỏi nổi tiếng.

+ Năm Ất Dậu (1825), (*Minh Mạng* thứ 6), ông đỗ Cử nhân khóa thi *Hương* ở *Gia Định*.

+ Năm sau, *Bính Tuất* (1826), (*Minh Mạng* thứ 7), ông 30 tuổi, đỗ *Tiến Sĩ*, vị *Tiến sĩ* đầu tiên của *Miền Nam*.

*/ Ra làm quan (trái ba đời *Minh Mạng*, *Thiệu Trị* và *Tự Đức*) bước quan lộ khi thăng khi giáng (có lúc lên đến chức *Hình Bộ Thượng Thư* và *Cơ Mật Viện Thần*).

*/ Ông có đi sứ nhà Thanh và giữ chức *Quốc Sứ quán Tổng tài* dưới thời *Tự Đức*, soạn ra bộ *Khâm Định Việt Sử*.

*/ Tuy làm quan to nhưng bao giờ ông cũng giữ đức tính thanh liêm, một lòng vì nước vì dân, nên được Vua tin và giao cho nhiều trọng trách.

*/ Ngày 9/5 Nhâm Tuất (1862), (Tự Đức 15), sau khi Pháp đem binh sang đánh chiếm Miền Nam, vua Tự Đức sai ông và Lâm Duy Tiếp vào Gia Định ký hòa ước Nhâm Tuất với Pháp.

*/ Năm Quý Hợi (1863) (Tự Đức 16), khi quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và lấy xong ba tỉnh Miền Đông (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường), vua Tự Đức cử Phan Thanh Giản làm Chánh sứ, cầm đầu phái đoàn, cùng Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản và một số tùy viên (trong có Pétrus Ký làm thông ngôn) sang Pháp điều đình xin lại đất (nhưng việc thất bại).

*/ Đến Pháp, ông thấy rõ sự vượt trội của quân sự và khoa học phương Tây, nên ra sức tìm hiểu về các vấn đề giao thông, quân sự, tài chính. Về nước, ông dâng sớ xin cải cách, bỏ chính sách bế quan tỏa cảng, gửi lưu học sinh ra ngoại quốc... nhưng thấy đều bị các quan phủ bác đi.

*/ Sau Hòa ước Nhâm Tuất 1862, khi bọn thực dân thiết lập xong guồng máy cai trị ở ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ, người dân Việt cảm nghe rất đau xót. Do đó, các cuộc tự động khởi nghĩa ngày càng nhiều hơn.

*/ Tháng 3 năm Ất Sửu (Avril 1865) (Tự Đức 18), Tổng đốc tỉnh Vĩnh Long Trương Văn Uyển đoán biết thế nào thực dân Pháp cũng chiếm nốt ba tỉnh miền Tây còn lại nên đã dâng sớ tâu vua Tự Đức, xin cử một người đảm lược để đương đầu với địch. + Vua Tự Đức chấp thuận, phong cho Phan Thanh Giản chức Kinh Lược Đại Thân các tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

*/ Ngày 28/1 Bính Dần (14 Marc 1866) (Tự Đức 19), Phan Thanh Giản đến Nam Kỳ.

*/ Trong tháng 3 năm Bính Dần (1866), nghĩa quân ba tỉnh Miền Tây cho phổ biến các tờ hịch kêu gọi dân chúng nổi dậy. Phan Thanh Giản ra sức khuyên răn nghĩa quân buông súng nhưng chẳng ai nghe. Thấy vậy, ông chán nản, mỏi mệt, cho rằng "trách nhiệm ấy về mình vì đã không giữ được dân của ông." Lúc ấy ông đã 71 tuổi.

*/ Ngày 14/7 Bính Dần (23 Aout 1866), Kinh Lược Phan Thanh Giản lại từ Miền Tây trở lên Sài Gòn, nói là để ký một thương ước với Pháp mà thật tình là để "xoa dịu những binh biến mới".

*/ Tháng 10 Bính Dần (Decembre 1866), Phó đề đốc de la Grandière bảo với Phan Thanh Giản là ba tỉnh Miền Tây sẽ về tay Pháp vì ba tỉnh ấy là "ô phiến loạn"; rồi sai P. Vial và Cố Trường (Le grand de la Liraye- làm thông ngôn) ra Huế để yêu cầu Tự Đức "giao thêm cho Pháp ba tỉnh Vĩnh Long- An Giang và Hà Tiên". + Hần nói: "Nếu bây giờ không chịu giao, e gây ra việc binh cách..."

*/ Đầu tháng 11 Bính Dần (Janvier 1867), triều đình Huế gửi thư cho De la Grandière báo rằng "Huế đã giao cho Phan Thanh Giản trách nhiệm với Sứ Phủ Sài Gòn về ba tỉnh Miền Tây, xin đừng làm gì hối hả..."

*/ Từ đó đến cuối tháng 11 Bính Dần (1866), Phan Thanh Giản đã nhiều lần thương nghị với De la Grandière nhưng không đi đến kết quả nào.

*/ Sang đầu năm Đinh Mão (1867), (Tự Đức 20), khi Pháp vẫn chưa chiếm ba tỉnh Miền Tây và các đám nghĩa quân Nam Việt vẫn ra sức đánh phá... thì một biến cố vô cùng bất lợi xảy ra cho VN:

*/ Ngày 19/1 Đinh Mão (23 Février 1867), Đê đốc Rigault de Genouilly (người đã ra lệnh nã phát đại bác đầu tiên vào lãnh thổ VN năm Đinh Mùi (1847)- (Thiệu Trị thứ 7), và cũng là người đầu tiên xua quân đổ bộ chiếm Đà Nẵng rồi Gia Định năm Mậu Ngọ (1858)- Tự Đức 11) lên làm Tổng trưởng Hải quân và Thuộc địa, thay thế cho Chasseloup Laubat. Việc này có nghĩa là vấn đề chiếm ba tỉnh Miền Tây chỉ còn là chuyện ngày giờ.

*/ Về phần Phan Thanh Giản thì lúc này, sau những cố gắng, thấy chẳng còn hy vọng gì nữa nên dâng sớ trần tấu về vấn đề Nam Kỳ, cũng xin trả lại mũ áo quan để về hưu. Vua Tự Đức không thuận, lại còn quở trách và nhất định lưu giữ ông ở lại chức vụ.

*/ Giữa tháng 6 Đinh Mão (Juillet 1867) (Tự Đức 20), Thiệu tướng Phó đê đốc De la Grandière thấy tình hình đã chín mùi nên ra lệnh cho các đơn vị chuẩn bị lên đường công phá ba tỉnh Miền Tây, tập trung tại Mỹ Tho.

*/ 12 giờ đêm ngày 19/6 Đinh Mão (20 Juillet 1867), các hạm đội Pháp từ Mỹ Tho rẽ sóng tiến sang Vĩnh Long.

*/ 7 giờ sáng ngày 20/6 Đinh Mão (21 Juillet 1867), đoàn tàu Pháp đã tới bờ neo trước thành Vĩnh Long --một thành không được phòng bị vì quan Kinh Lược Phan Thanh Giản đã ra lệnh không phòng thủ gì cả.

*/ Từ dưới ham đôi của mình, Phó đê đốc de la Grandière sai Cố Trường (làm thông ngôn) mang thơ vào thành, mời Phan Thanh Giản xuống tàu để cho biết lý do tại sao Pháp phải hành động. + Phan Thanh Giản tỏ ra rất trầm tĩnh trước biến cố; cùng An sát Võ Doãn Thành bước theo viên thông ngôn Cố Trường.

*/ Xuống tàu, hai ông quan triều đình cố biện thuyết nhưng de la Grandière không nghe, buộc phải nộp thành Vĩnh Long trong hai tiếng đồng hồ. + Trước tình thế đó, Phan Thanh Giản đã thuận theo ý hãn, chỉ yêu cầu quân đội Pháp đừng nhiều hại dân và trả cho VN tiền lúa trong kho (trị giá 1 triệu lúc bấy giờ). + de la Grandière ưng thuận.

*/ Với tư thế của một kẻ thắng trận mà không đổ máu vắt và gì, de la Grandière nói rằng: "Các quan VN đều giữ lại chức cũ nếu muốn phục vụ cho chính quyền Pháp. Bằng như muốn về hưu thì tùy ý. Cờ xí súng ống tàu bè sẽ trả lại cho triều đình Huế..."

*/ Từ bờ sông Vĩnh Long trở về, Phan Thanh Giản đã thấy cờ Pháp bay phất phới trên công thành và quân địch đã vào cả bên trong. Ông vào văn phòng, vâng theo lời de la Grandière, viết một thư kêu gọi đầu hàng cho Tổng đốc Châu Đốc và Hà Tiên có những đoạn như sau:

"Hỡi các quan và dân chúng,

Số phận đã định rằng: người nào thuận theo lòng Trời thì còn, người nào nghịch lòng Trời thì mất. Làm theo ý muốn của Trời là thuận thiên lý. Con người là một con vật có trí sáng suốt được dựng lên do Trời định. Mỗi loài thú sống tùy theo sự tự nhiên của nó, như nước chảy từ đất cao xuống đất thấp, như lửa cháy trên đất khô ráo...

Trời đã cho con người có lý trí, con người phải sống tùy theo lý trí ấy. Quốc gia của Hoàng đế ta có từ thời xưa, sự trung thành

với Tiên vương là tron vẹn và luôn hăng hái. Chúng ta không thể nào quên ơn Hoàng đế và Tiên vương ta. Bây giờ đây, người Phú Lang Sa đến xức ta với nhiều súng ống bắn mạnh, gieo rắc sự vắn đục trong dân ta. Chúng ta yếu ớt không chống nổi người Phú Lang Sa, tướng soái và linh tráng ta đều bị đánh bại. Mỗi lần chiến là mỗi lần thêm đau khổ cho ta. Người Phú Lang Sa có nhiều chiến thuyền to, chở đầy quân và võ trang bằng đại bác. Không người nào có thể chống lại. Người Phú Lang Sa muốn đi đến đâu cũng đặng, những đồn lũy chắc chắn cũng phải bẻ.

Bốn chức van vái Trời cao, bốn chức nghe theo lẽ phải và tự nhủ: 'Mình còn ngốc khi mình muốn đánh người Phú Lang Sa bằng vũ khí, cũng như con nai muốn bắt con cọp. Mình lại kéo về phía mình những tai hại lớn một cách vô ích, để tai hại ấy đè trên đầu lẽ dân mà Trời đã giao cho mình chẵn. Vậy bốn chức viết công thơ cho các quan văn cũng như các tướng võ hãy bẻ gãy giáo và giao thành trì khỏi chống cự. Nhưng nếu bốn chức tùy theo Thiên ý mà tránh đỡ giùm dân, đem tai họa rớt trên đầu họ, bốn chức trở thành phản thần đối với Hoàng Đế của ta vì bốn chức đã trao ba tính của Hoàng Đế cho Phú Lang Sa mà không chống cự... Bốn chức đáng tội chết.

Hỡi các quan và lẽ dân

Các người có thể sống dưới sự điều khiển của người Phú Lang Sa, những người này chỉ đáng sợ trong lúc chiến tranh thôi, những lá cờ ba sắc không thể phát phới bay trên một thành lũy mà nơi ấy Phan Thanh Giản còn sống..."

*/ Sau khi lá thư gửi Tổng đốc Châu Đốc & Hà Tiên kêu gọi đầu hàng được gửi đi, Phan Thanh Giản đem số tiền lúa của ba tỉnh khấu trừ vào khoản bồi thường chiến tranh cho Pháp. + Còn dư lại bao nhiêu cho người mang theo tàu Mân Thỏa đưa về Huế cho vua Tự Đức, kèm theo áo mũ đại trào, ấn triện sắc bằng và một số tâu như sau:

"Nay gặp thời gian bi, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu xuất hiện ở biên thùy. Việc cõi Nam Kỳ một chốc đã thế này, không thể ngăn cản nổi, nghĩa tôi đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục lại cho Quân Phụ. Đức Hoàng Thượng rộng xét xưa nay, biết rõ trị loạn: người thân kẻ hiền trong nước cùng lòng giúp đỡ, kính cẩn phép Trời, thương người cùng khổ, lo trước tính sau, đổi dây thay bánh, thế lực còn có thể làm được. Tôi tới lúc tắt nghỉ, nghẹn ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quỵn luyến, trông mong khôn xiết."

*/ Xong, cho gọi các con lại, buộc phải về làm ruộng mà ăn chứ không được nhận một chức quan nào của Nam Kỳ. + Rồi ông bắt đầu tuyệt thực.

*/ Sau mười bảy ngày không chết, đến ngày 5/7 Đinh Mão (4 Aout 1867) (Tự Đức 20) Phan Thanh Giản hướng về phương Bắc lạy vua 5 lạy rồi uống thuốc phiện hòa với dấm tự tử. + Lúc ấy ông 74 tuổi.

*/ (Từ đó toàn cảnh đất Nam Kỳ thành ra đất thuộc địa của Pháp. Còn từ Biên Hòa trở ra vẫn gọi là đất của Nam triều.)

*/ Phản vua Tự Đức, khi nghị tội các quan can dự vào việc mất 6 tỉnh Nam Kỳ, đã ra dụ như sau:

"Sáu tỉnh Nam Kỳ trước đây đã vì Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp, Phạm Thế Hiển, Nguyễn Bá Nghi tiểu phòng không hết sức, rồi đến Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp nghị hòa khinh xuất; sau Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ và Trần Hoàng nhân tuần nhón nhác nên đến nỗi để mất cả 6 tỉnh. + Nay định tội Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp phải truy đoạt chức hàm, đục bia Tiến sĩ, kết án Trảm giam hậu đời đời."

**/ (Mãi tới năm Bính Dần (1866), vua Đồng Khánh mới ra chiếu khôi phục nguyên hàm cho hai ông).*

*

**

Đoàn hát 5 ngày ở Vĩnh Long, tỉnh lỵ chính của tỉnh Cửu Long dựng lên bên bờ hữu sông Tiền. Trong phố có vài đền thờ cũ: đền Thiên Hậu và đền thờ Tổng Phúc Hợp, một vị danh thần dưới thời Nguyễn sơ.

Ngôi nhà tôi và Hạnh lưu lại là của một thiếu phụ còn rất trẻ, có chồng đi nghĩa vụ quân sự chết trong một trận đánh ở Kampuchia đã hơn một năm qua.

Mỗi buổi trưa trời nóng, ngồi nơi cái quán lá bên kia đường uống ly trà đá, tôi thường nhìn sang cô chủ nhà nằm võng ru con trước chái hiên:

*"Lênh đênh chiếc bách giữa giòng
Thương thân góa phụ phòng không lữ thì
Gió đưa cây trúc ngã quỳ
Ba năm trực tiết còn gì là xuân!"*

Tiếng ru vang lên giữa trưa nắng gắt. Những câu ca dao buồn bã cơ hồ vẫn chưa đủ diễn tả cho hết nỗi lòng của người góa phụ cô đơn. Dáng dấp người thiếu phụ trông hiền lành chịu đựng. Một mẫu đàn bà cần đi trước tuổi do bởi những lo toan một mình trong cuộc sống. Từ buổi đầu, chúng tôi được biết cô chỉ mới 22; vậy mà trông cô chẳng khác nào một người đàn bà đã quá ba mươi!

Một lần tôi nghe cô kê: *"Bọn em lấy nhau chưa được bao lâu thì anh ấy bị gọi đi nghĩa vụ quân sự. Tưởng hai năm trở về, ai ngờ anh ấy đi luôn qua bên kia thế giới. Trẻ chưa qua già chưa tới mà đã mang thân góa bụa. Đứa con đẻ ra thiếu tháng chưa thấy mặt cha đã phải mồ côi."*

Mỗi buổi trưa trong năm ngày ở Vĩnh Long, tôi vẫn ngồi bên quán trà đá nhìn sang cô chủ nhà nằm ru con trên võng. Trời nắng gay gắt. Con đường làng vắng tanh không bóng người qua lại. Chung quanh đều lặng lẽ. Chỉ có tiếng ru con vắng vắng giữa trưa. Tôi nghe lòng mình tím bầm héo úa. Hình ảnh cô đơn của người góa phụ trẻ đã là nguyên nhân cho tất cả mọi xúc cảm của tôi.

Mỗi con người Việt Nam trong suốt cuộc đời đã phải trải qua vài lần chinh chiến. Bà mẹ quê hương kiếp nào vụng tu nên đàn con cháu cứ phải gánh nạn khổ đau. Chẳng trách ai được. Chỉ biết ngậm ngùi cho bao lớp người đã ngã xuống. Và còn bao lớp người sẽ tiếp tục ngã theo đây?

[]

